

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong những thập niên gần đây, du lịch cộng đồng (DLCĐ) đã được công nhận là một mô hình phát triển bền vững, đặc biệt phù hợp với các khu vực nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Với bản chất hướng tới con người và cộng đồng, DLCĐ không chỉ tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động du lịch, mà còn hướng tới bảo tồn văn hóa bản địa, gìn giữ môi trường tự nhiên và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Mô hình này nhấn mạnh vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương trong toàn bộ quá trình phát triển du lịch, từ hoạch định, quản lý, tổ chức thực hiện đến giám sát, nhằm đảm bảo rằng lợi ích từ du lịch được phân bổ một cách công bằng và bền vững (Giampiccoli & Saayman, 2018). Tuy nhiên, để DLCĐ thực sự phát huy hiệu quả và duy trì lâu dài, sự ủng hộ của người dân địa phương được xem là yếu tố then chốt, bởi họ chính là chủ thể trực tiếp chịu tác động từ những biến đổi về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường do du lịch mang lại (Gursoy & Rutherford, 2004; Nunkoo & Ramkissoon, 2012).

Ở Việt Nam và nhiều quốc gia đang phát triển, phát triển du lịch bền vững được xác định là định hướng chính sách chủ đạo, trong đó DLCĐ được xem là một mô hình phù hợp nhằm gắn kết giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo tồn văn hóa và nâng cao quyền chủ thể của cộng đồng địa phương. Trong bối cảnh đó, tỉnh Hòa Bình với lợi thế về tài nguyên tự nhiên, sự đa dạng văn hóa của các nhóm dân tộc thiểu số và vị trí địa lý tiếp giáp Thủ đô Hà Nội được đánh giá là có tiềm năng lớn để phát triển DLCĐ. Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, Hòa Bình đã hình thành và triển khai hàng chục điểm DLCĐ tại các huyện như Mai Châu, Đà Bắc, Tân Lạc, Cao Phong..., với sự tham gia của các cộng đồng dân tộc Mường, Thái, Dao, Mông... Tuy nhiên, quá trình triển khai các mô hình DLCĐ tại Hòa Bình cũng bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức. Bên cạnh một số mô hình bước đầu mang lại hiệu quả về tạo sinh kế và quảng bá bản sắc văn hóa, không ít điểm DLCĐ gặp khó khăn trong việc duy trì sự tham gia ổn định và lâu dài của người dân địa phương. Trong nhiều trường hợp, các mô hình DLCĐ vẫn được triển khai theo cách tiếp cận “từ trên xuống” (top-down), chủ yếu do chính quyền địa phương hoặc các tổ chức bên ngoài khởi xướng và dẫn dắt, trong khi mức độ tham gia thực chất và tiếng nói của cộng đồng địa phương trong quá trình ra quyết định còn hạn chế. Hệ quả là người dân tham gia vào hoạt động du lịch với tâm thế tương đối bị động, thiếu niềm tin vào khả năng mang lại

lợi ích lâu dài, thậm chí lo ngại những tác động tiêu cực đến bản sắc văn hóa và đời sống cộng đồng.

Ngoài ra, các điểm DLCĐ tại Hòa Bình hiện đang ở những giai đoạn phát triển khác nhau, từ các cộng đồng mới tiếp cận hoạt động du lịch đến những điểm đã phát triển tương đối ổn định. Sự khác biệt về giai đoạn phát triển kéo theo sự khác biệt về mức độ tham gia của người dân, quyền kiểm soát đối với nguồn lực du lịch, cũng như cảm nhận về công bằng trong phân bổ lợi ích giữa các nhóm cư dân. Tuy nhiên, trong thực tiễn quản lý và hoạch định chính sách, những khác biệt này chưa được xem xét một cách hệ thống, dẫn đến việc áp dụng các mô hình quản lý và hỗ trợ phát triển DLCĐ mang tính tương đối đồng nhất cho các cộng đồng có điều kiện xã hội và năng lực nội tại rất khác nhau. Thực tiễn này cho thấy, sự thành công và tính bền vững của DLCĐ tại Hòa Bình không thể chỉ dựa trên chủ trương hay nguồn lực bên ngoài mà còn phụ thuộc rất lớn vào mức độ sẵn sàng, sự tin tưởng và sự ủng hộ của người dân địa phương.

Sự ủng hộ của cư dân địa phương được xem là một điều kiện then chốt đối với phát triển du lịch bền vững, đặc biệt trong các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng. Phần lớn các nghiên cứu trước đây tiếp cận hành vi ủng hộ từ góc nhìn cá nhân, coi cư dân là những chủ thể duy lý đưa ra quyết định dựa trên đánh giá lợi ích và chi phí cảm nhận. Khung phân tích có ảnh hưởng sâu rộng nhất là Lý thuyết trao đổi xã hội, được vận dụng trong nghiên cứu du lịch bởi (Ap, 1992; Perdue et al., 1990) và tiếp tục được phát triển trong các mô hình thực nghiệm sau này của (Gursoy & Rutherford, 2004; Nunkoo & Gursoy, 2012). Theo cách tiếp cận này, cư dân có xu hướng ủng hộ phát triển du lịch khi các lợi ích nhận thức được vượt qua những chi phí phải gánh chịu, đây là lý luận đã được chứng minh trong giải thích sự ủng hộ của cư dân trong nhiều bối cảnh khác nhau và góp phần hình thành nền tảng lý thuyết chủ đạo cho dòng nghiên cứu về thái độ cư dân.

Tuy nhiên, việc đặt cá nhân làm trung tâm phân tích hàm ý rằng sự ủng hộ có thể được hiểu như kết quả cộng gộp của các lựa chọn riêng lẻ. Giả định này phù hợp hơn với những xã hội có mức độ cá nhân hóa cao và cơ chế phân bổ lợi ích tương đối minh bạch. Ngược lại, trong các cộng đồng có tính liên kết xã hội mạnh, thái độ của cư dân thường được định hình thông qua các quan hệ xã hội, chuẩn mực chung và kỳ vọng tập thể, khiến cách tiếp cận thuần cá nhân có nguy cơ giản lược bản chất xã hội của quá trình ra quyết định (Šegota et al., 2022).

Giới hạn trên gợi mở nhu cầu dịch chuyển sang một cách tiếp cận tiếp cận tính hợp lý tập thể trong phân tích sự ủng hộ của cư dân. Trong bối cảnh du lịch cộng đồng, nơi lợi

ích và chi phí có tính lan tỏa và phụ thuộc lẫn nhau, quyết định của mỗi cá nhân không chỉ ảnh hưởng đến bản thân mà còn tác động đến kết quả chung của cộng đồng. Theo đó, sự ủng hộ không thể được hiểu đơn thuần như sự cộng gộp của các lựa chọn cá nhân tách biệt, mà cần được xem xét trong bối cảnh các lợi ích, kỳ vọng và hệ quả phát triển có sự gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng. Tiếp cận tính hợp lý tập thể cho phép nhìn nhận thái độ của cư dân không chỉ từ góc độ đánh giá lợi ích và chi phí cá nhân, mà còn trong mối liên hệ với môi trường xã hội và điều kiện tổ chức nơi các quyết định được hình thành và thực thi.

Trong nghiên cứu du lịch cộng đồng, vai trò của sự đồng thuận và cam kết tập thể đã được nhấn mạnh như một điều kiện quan trọng đối với tính bền vững của các sáng kiến phát triển (Scheyvens, 1999). Các yếu tố như lòng tin xã hội, gắn kết cộng đồng và khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định cũng được chứng minh là có ảnh hưởng đáng kể đến thái độ của cư dân (Nunkoo & Ramkissoon, 2010; Ribeiro et al., 2017). Tuy nhiên, do tính trừu tượng của khái niệm hợp lý tập thể, việc nhận diện một cơ chế xã hội có thể quan sát và đo lường trở nên cần thiết. Trong bối cảnh này, trao quyền cộng đồng có thể được xem là một điều kiện quan trọng cho việc hình thành và thực thi năng lực hành động tập thể, khi nó phản ánh mức độ cư dân được tham gia thực chất vào các quyết định liên quan đến nguồn lực và định hướng phát triển du lịch.

Dẫu vậy, trao quyền không diễn ra trong khoảng không xã hội mà được định hình bởi cấu trúc quyền lực và quan hệ giữa các tác nhân tham gia vào quá trình phát triển. Lý thuyết các bên liên quan của R. Edward Freeman năm 1984 cung cấp một khung phân tích phù hợp để lý giải cách lợi ích, trách nhiệm và quyền ra quyết định được phân bổ giữa cộng đồng địa phương, chính quyền, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Từ góc nhìn này, mức độ cộng đồng được tham gia không chỉ phản ánh chất lượng quản trị mà còn tạo ra những điều kiện khác nhau cho việc hình thành đồng thuận xã hội và củng cố sự ủng hộ của cư dân.

Mặc dù các hướng tiếp cận cá nhân, cộng đồng và thể chế đều mang lại những giải thích quan trọng về sự hình thành thái độ ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch, phần lớn nghiên cứu hiện nay vẫn xem xét chúng một cách tương đối tách biệt. Điều này hạn chế khả năng lý giải sự hình thành thái độ ủng hộ trong mối liên hệ giữa các cấp độ phân tích khác nhau, đặc biệt trong bối cảnh các cộng đồng dân tộc thiểu số, nơi quan hệ xã hội gắn kết và các cấu trúc quyền lực phi chính thức vẫn giữ vai trò đáng kể. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu xây dựng một mô hình nghiên cứu kết nối các cấp độ phân tích cá

nhân, cộng đồng và thể chế nhằm làm rõ các cơ chế hình thành sự ủng hộ đối với phát triển du lịch cộng đồng.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “**Sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Hòa Bình**” làm đề tài luận án. Việc lựa chọn tỉnh Hòa Bình không chỉ xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn của một địa phương điển hình trong phát triển DLCĐ tại khu vực miền núi phía Bắc, mà còn bởi đây là bối cảnh phù hợp để kiểm định và làm rõ các cơ chế xã hội và thể chế chi phối sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng trong bối cảnh Việt Nam.

Kể từ ngày 01/7/2025, hệ thống hành chính của Việt Nam đã có những thay đổi quan trọng bao gồm việc sáp nhập các tỉnh thành, chuyển đổi mô hình chính quyền hai cấp, bỏ cấp huyện, điều chỉnh địa giới và thay đổi tên hành chính cấp xã. Tuy nhiên trong luận án này tác giả vẫn sử dụng tên gọi tỉnh cũ Hòa Bình, giữ nguyên các phân chia theo cấp huyện và xã như trước thời điểm thay đổi. Việc này nhằm đảm bảo sự nhất quán với các tài liệu, số liệu và các công trình công bố trước ngày 01/7/2025. Việc giữ tên địa phương cũ không làm thay đổi bản chất nội dung nghiên cứu mà chỉ để tiếp cận thuận tiện hơn trong giai đoạn chuyển tiếp.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu này nhằm phân tích cơ chế hình thành sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng thông qua một khung phân tích tích hợp các cấp độ cá nhân, cộng đồng và thể chế. Trên cơ sở vận dụng Lý thuyết trao đổi xã hội, tiếp cận tính hợp lý tập thể và Lý thuyết các bên liên quan, nghiên cứu tập trung nhận diện các yếu tố ảnh hưởng và cách thức những yếu tố này tương tác trong việc định hình thái độ của người dân địa phương với phát triển DLCĐ. Qua đó, nghiên cứu kỳ vọng bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho cách tiếp cận tích hợp các cấp độ phân tích trong giải thích hành vi ủng hộ, đặc biệt trong bối cảnh các cộng đồng dân tộc miền núi tại Hòa Bình, nơi các giá trị tập thể và thiết chế xã hội truyền thống vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến thái độ của cộng đồng.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nêu trên, nghiên cứu tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Phân tích mức độ ủng hộ và các yếu tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng trong bối cảnh các cộng đồng dân tộc thiểu số tại tỉnh Hòa Bình.

(2) Phân tích cơ chế tác động giữa các yếu tố tiền đề và sự ủng hộ của người dân, trong đó xem xét vai trò điều tiết của mức độ trao quyền cộng đồng với các mối quan hệ này.

(3) Dựa trên tổng quan có hệ thống về lý thuyết và các nghiên cứu trước, đề xuất mô hình nghiên cứu tích hợp giữa Lý thuyết trao đổi xã hội, tiếp cận tính hợp lý tập thể và Lý thuyết các bên liên quan, đồng thời kiểm định thực nghiệm mô hình đề xuất trong bối cảnh cộng đồng dân tộc thiểu số tại tỉnh Hòa Bình.

(4) Đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Hòa Bình theo hướng tăng cường trao quyền và thúc đẩy sự tham gia bền vững của cộng đồng địa phương.

### **2.3. Câu hỏi nghiên cứu**

Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ nêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

(1) Người dân địa phương tại các cộng đồng du lịch ở tỉnh Hòa Bình thể hiện mức độ ủng hộ như thế nào đối với phát triển du lịch cộng đồng?

(2) Những yếu tố nào ảnh hưởng và trong điều kiện nào các yếu tố này định hình sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Hòa Bình?

(3) Việc tích hợp Lý thuyết trao đổi xã hội với tiếp cận tính hợp lý tập thể và Lý thuyết các bên liên quan giúp giải thích như thế nào cơ chế hình thành sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch cộng đồng?

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng, được tiếp cận gián tiếp thông qua các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ ủng hộ của người dân. Nghiên cứu xem xét các mối quan hệ giữa những yếu tố tiền đề và sự ủng hộ của người dân trên cơ sở Lý thuyết trao đổi xã hội, tiếp cận tính hợp lý tập thể và lý thuyết các bên liên quan. Như vậy, đề tài tiếp cận nghiên cứu các cơ chế và yếu tố hình thành sự ủng hộ của người dân địa phương, phản ánh tính hợp lý xã hội của các quyết định cá nhân trong bối cảnh phát triển du lịch cộng đồng.

### **3.2. Đối tượng khảo sát**

Đối tượng khảo sát là người dân địa phương đang sinh sống tại các cộng đồng có hoạt động du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, bao gồm cả những người tham gia trực tiếp (chủ hộ, hướng dẫn viên, người cung ứng dịch vụ) và gián tiếp (hộ dân chịu ảnh hưởng hoặc hưởng lợi từ du lịch).

### **3.3. Phạm vi nghiên cứu**

- **Về nội dung:** Nghiên cứu tập trung vào sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng, được tiếp cận gián tiếp thông qua các yếu tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của họ. Trên cơ sở đó, luận án hướng đến xây dựng và kiểm định mô hình lý thuyết tích hợp giữa Lý thuyết trao đổi xã hội và tiếp cận tính hợp lý tập thể để xác định và đo lường các yếu tố tác động đến sự ủng hộ của người dân.

- **Về không gian:** Nghiên cứu được thực hiện tại một số điểm DLCĐ tiêu biểu thuộc tỉnh Hòa Bình ở các giai đoạn phát triển khác nhau, bao gồm các điểm DLCĐ ở huyện Mai Châu, Đà Bắc, Tân Lạc, Cao Phong.

#### **- Về thời gian:**

+ Dữ liệu thứ cấp là các tài liệu lý thuyết và nghiên cứu liên quan được thu thập tổng hợp là các công bố trong khoảng thời gian từ 1990 đến 2024.

+ Dữ liệu sơ cấp là khảo sát được thu thập và phân tích trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2025.

## **4. Những đóng góp của nghiên cứu**

### **4.1. Đóng góp về mặt lý thuyết**

Nghiên cứu này đóng góp vào nền tảng lý thuyết về sự ủng hộ của cộng đồng đối với phát triển du lịch thông qua việc đề xuất và kiểm định một mô hình tích hợp giữa Lý thuyết trao đổi xã hội, tiếp cận tính hợp lý tập thể và Lý thuyết các bên liên quan. Trong khi SET chủ yếu lý giải thái độ và hành vi của người dân từ góc độ cá nhân dựa trên đánh giá lợi ích và chi phí cảm nhận, thì tiếp cận tính hợp lý tập thể mở rộng khung phân tích sang chiều kích cộng đồng, nhấn mạnh vai trò của các giá trị chung, chuẩn mực xã hội và thiết chế phi chính thức trong việc hình thành thái độ và hành vi mang tính tập thể.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mức độ trao quyền cộng đồng như một biểu hiện có thể quan sát được của điều kiện thể chế trong khuôn khổ tính hợp lý tập thể, đóng vai trò là cơ chế điều tiết mối quan hệ giữa các yếu tố tiền đề (nhận thức lợi ích, niềm tin, quan hệ với các bên liên quan) và sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng. Cách tiếp cận này cho thấy sự ủng hộ của cộng đồng không chỉ là kết quả của các đánh giá cá nhân mang tính duy lý, mà còn chịu ảnh hưởng từ mức độ tham gia thực

chất, quyền quyết định và sự thừa nhận vai trò tập thể của cộng đồng trong cấu trúc quản trị du lịch địa phương.

Mô hình được xây dựng và kiểm định trong bối cảnh các cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi có cấu trúc xã hội truyền thống, mức độ gắn kết cộng đồng cao và sự chi phối rõ nét của các thiết chế phi chính thức như trưởng bản, dòng họ, hương ước và quy ước cộng đồng, điển hình là tỉnh Hòa Bình. Việc kiểm định trong bối cảnh này góp phần kiểm định và làm giàu bằng chứng thực nghiệm cho việc vận dụng các lý thuyết hành vi xã hội trong những không gian xã hội, văn hóa đặc thù, vốn còn ít được xem xét trong các nghiên cứu định lượng trước đây.

Ngoài ra, nghiên cứu góp phần mở rộng khung phân tích sự ủng hộ của người dân theo hướng làm rõ mối quan hệ liên kết giữa động cơ cá nhân và các điều kiện xã hội, thể chế. Qua đó, nghiên cứu cung cấp một cách tiếp cận định lượng có hệ thống nhằm lý giải cơ chế hình thành sự ủng hộ của cộng đồng trong bối cảnh phát triển du lịch tại các vùng dân tộc thiểu số miền núi ở Việt Nam.

#### **4.2. Đóng góp thực tiễn**

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và điều chỉnh chính sách phát triển DLCĐ tại các địa phương có điều kiện xã hội, văn hóa đặc thù như tỉnh Hòa Bình. Việc phân tích sâu các yếu tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của người dân địa phương, đặc biệt là vai trò của trao quyền cộng đồng, giúp nhận diện rõ những rào cản và điều kiện thúc đẩy sự tham gia thực chất của cộng đồng trong phát triển du lịch. Kết quả nghiên cứu cung cấp thêm luận cứ khoa học cho việc xem xét tăng cường các cách tiếp cận dựa vào cộng đồng bên cạnh các phương thức quản lý theo hướng từ trên xuống.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cung cấp một bộ khung đo lường định lượng có thể tham khảo trong đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia và ủng hộ của người dân tại các điểm DLCĐ. Các kết quả nghiên cứu góp phần đề xuất các định hướng chính sách cụ thể, như: thúc đẩy cơ chế ra quyết định mang tính đồng thuận, xây dựng thể chế chia sẻ lợi ích minh bạch, hoặc lồng ghép đào tạo nâng cao năng lực quản lý du lịch cho cộng đồng. Những hàm ý này không chỉ phù hợp với thực tiễn phát triển DLCĐ tại Hòa Bình, mà còn có giá trị tham khảo đối với các địa phương có điều kiện tương đồng.

#### **5. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung chính của luận án gồm 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Chương 2: Địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Sự ủng hộ và các yếu tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của người dân Hòa Bình đối với phát triển du lịch cộng đồng

Chương 4: Kết luận, hàm ý và khuyến nghị.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ SỰ ỦNG HỘ CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

#### ***1.2.1. Khái niệm du lịch cộng đồng và sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch cộng đồng***

##### *1.2.1.1. Khái niệm Du lịch cộng đồng*

Boonratana cho rằng “tồn tại một số khái niệm và biến thể của các khái niệm về du lịch cộng đồng, du lịch dựa vào cộng đồng và hai thuật ngữ này thường được sử dụng đồng nghĩa mà không có bất kỳ sự phân biệt nào” (Boonratana, 2010). Do đó, trong phạm vi luận án này, tác giả tìm kiếm tài liệu để tổng quan dựa trên các từ khóa CBT, CT, CBET và coi các từ này là những thuật ngữ tương đồng về mặt lý thuyết mặc dù có thể có những khái niệm và cách hiểu khác nhau về du lịch cộng đồng từ các khu vực khác nhau. Có thể khái quát, *DLCĐ là một loại hình du lịch do chính cộng đồng người dân chủ động tổ chức, quản lý và làm chủ để đem lại lợi ích kinh tế cho chính cộng đồng và bảo vệ được môi trường chung, bản sắc văn hóa địa phương thông qua việc giới thiệu với du khách các nét đặc trưng của địa phương về thiên nhiên, văn hóa bản địa....* Mô hình DLCĐ tạo điều kiện cho du khách trải nghiệm cuộc sống của người dân bản địa với những sinh hoạt rất đời thường và những món ăn dân dã đậm chất địa phương. Ngoài ra, mô hình du lịch bền vững này góp phần thúc đẩy các chiến lược xóa đói giảm nghèo, tạo ra sinh kế đồng thời khuyến khích vai trò của người dân bản địa trong việc hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng và bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống văn hóa cũng như các di sản thiên nhiên tại địa phương.

##### *1.2.1.2. Sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng*

Trong nghiên cứu này, “người dân địa phương” được hiểu là những cá nhân đang sinh sống thường xuyên tại cộng đồng nghiên cứu và chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ quá trình phát triển du lịch cộng đồng. Cách tiếp cận này phù hợp với quan niệm cư dân địa phương là một nhóm bên liên quan trung tâm của điểm đến của Freeman và các nghiên cứu du lịch trước đây. Trên cơ sở xác định rõ chủ thể của sự ủng hộ là cộng đồng cư dân địa phương như trên, việc khái niệm hóa “sự ủng hộ” trong nghiên cứu này được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với thái độ của nhóm chủ thể này đối với quá trình phát triển du lịch. “*Sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch được hiểu là thái độ đánh giá chung mang tính tích cực và sự đồng thuận của người dân đối với vai trò và định hướng phát triển du lịch tại cộng đồng*”.

### **1.2.2. Các xu hướng nghiên cứu sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển du lịch cộng đồng**

Trong quá trình phát triển du lịch, người dân địa phương được xem là một trong những chủ thể quan trọng nhất, vừa là người chịu tác động trực tiếp, vừa là người tạo ra giá trị cho điểm đến (Gursoy et al., 2002; Lee, 2013). Vì vậy, việc nghiên cứu sự ủng hộ của cư dân địa phương đối với phát triển du lịch đã trở thành chủ đề quan trọng trong các nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững, quản trị điểm đến và du lịch cộng đồng. Tổng quan phân tích nội dung các công trình quốc tế và trong nước cho thấy hai hướng tiếp cận chủ đạo trong nghiên cứu về chủ đề này:

(1) Sự ủng hộ của cư dân được xem như một kết quả, phản ánh mức độ sẵn sàng và thái độ tích cực của người dân đối với các hoạt động và chính sách phát triển du lịch tại địa phương. Theo hướng tiếp cận này, các nghiên cứu khám phá các yếu tố tác động đến sự ủng hộ như nhận thức của cư dân về các tác động của du lịch, niềm tin vào các chủ thể quản lý và phát triển du lịch, cũng như chất lượng của các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng (Boley et al., 2014; Công & Ngọc, n.d.; DL et al., 2017; Gursoy & Rutherford, 2004; Nunkoo & Gursoy, 2012; Perdue et al., 1990; B. Thị et al., n.d.; Kyle M Woosnam, 2011)

(2) Sự ủng hộ của cư dân đồng thời cũng được xem là một yếu tố có ý nghĩa trong tiến trình phát triển du lịch, được cho là có liên hệ tích cực với hiệu quả quản trị điểm đến, mức độ đồng thuận xã hội và chất lượng cuộc sống cộng đồng. Một số công trình lý luận trong lĩnh vực quản trị điểm đến và du lịch bền vững đã lập luận rằng sự đồng thuận và ủng hộ của cư dân có liên hệ chặt chẽ với vốn xã hội, niềm tin và tính chính danh của quản trị, qua đó được xem như một điều kiện quan trọng trong tiến trình phát triển (Nunkoo & Gursoy, 2019; Nunkoo & Ramkissoon, 2012) Những lập luận này cho thấy, bên cạnh hướng tiếp cận truyền thống xem sự ủng hộ là biến phụ thuộc, việc xem xét vai trò chức năng của sự ủng hộ như một yếu tố tiềm năng trong các mô hình phát triển du lịch là một hướng nghiên cứu đang dần hình thành và cần được tiếp tục kiểm định thực nghiệm. Ở góc độ này, sự ủng hộ không chỉ phản ánh sự đồng thuận xã hội mà còn là động lực thúc đẩy hợp tác, giảm xung đột, tăng tính bền vững và củng cố khả năng tự quản của cộng đồng trong tiến trình phát triển du lịch.

### ***1.2.3. Các lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch***

Các lý thuyết nền tảng được vận dụng trong nghiên cứu về sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch chủ yếu bắt nguồn từ các lĩnh vực xã hội học, tâm lý học và nhân học, nhằm lý giải nhận thức, thái độ và hành vi của người dân đối với các tác động của du lịch. Trong quá trình hình thành và phát triển, nhiều khung lý thuyết đã được áp dụng để tiếp cận hiện tượng này dưới các góc độ khác nhau, bao gồm: Lý thuyết trao đổi xã hội giải thích sự ủng hộ của cư dân dựa trên quá trình đánh giá chi phí và lợi ích thu được từ du lịch; Lý thuyết đoàn kết cảm xúc (Emotional Solidarity Theory) nhấn mạnh vai trò của cảm xúc, sự đồng cảm và gắn kết giữa cư dân và du khách trong việc hình thành thái độ tích cực; Lý thuyết tính hợp lý hình thức và thực chất của Weber (Formal and Substantive Rationality Theory) phân tích các động cơ hành động xã hội của con người dựa trên lý tính và giá trị; Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action) và mô hình hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior) giải thích mối quan hệ giữa thái độ, chuẩn chủ quan, kiểm soát hành vi nhận thức và ý định ủng hộ du lịch; Lý thuyết tự nhận thức (Self-Perception Theory) xem xét cách cá nhân hình thành thái độ dựa trên việc quan sát hành vi của chính mình; và Lý thuyết phức tạp (Complexity Theory) tiếp cận sự ủng hộ của cư dân như một hiện tượng động, phi tuyến và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tương tác trong hệ thống xã hội – du lịch.

### **1.3. Khoảng trống nghiên cứu**

Mặc dù sự ủng hộ của cộng đồng địa phương đối với phát triển du lịch đã được xem xét rộng rãi, phần lớn các nghiên cứu vẫn có xu hướng tiếp cận hiện tượng này từ góc độ cá nhân, chủ yếu dựa trên giả định rằng cư dân hình thành thái độ và hành vi thông qua việc cân nhắc lợi ích và chi phí cảm nhận. Cách tiếp cận này, thường gắn với Lý thuyết trao đổi xã hội, đã cung cấp nền tảng quan trọng để lý giải động cơ ủng hộ của người dân, song đồng thời cũng cho thấy những giới hạn nhất định khi chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh xã hội mà trong đó các đánh giá cá nhân được hình thành.

Trên thực tế, các quyết định của cư dân không diễn ra một cách độc lập mà chịu ảnh hưởng từ các quan hệ xã hội, chuẩn mực cộng đồng và những quá trình tương tác trong việc xác định lợi ích chung. Tuy nhiên, trong nhiều mô hình nghiên cứu, các yếu tố này vẫn chưa được phân tích một cách hệ thống, dẫn đến quá trình hình thành sự ủng hộ trong

bối cảnh cộng đồng chưa được làm rõ. Khoảng trống này gợi mở sự cần thiết phải mở rộng phân tích theo hướng tiếp cận nhấn mạnh tính hợp lý tập thể, theo đó thái độ của cư dân được xem là kết quả của quá trình tương tác và định hình lợi ích chung trong cộng đồng, chứ không chỉ là lựa chọn cá nhân biệt lập.

Bên cạnh đó, sự hình thành đồng thuận xã hội còn chịu tác động từ bối cảnh thể chế và cấu trúc quyền lực chi phối quá trình phát triển du lịch. Lý thuyết các bên liên quan cung cấp một khuôn khổ hữu ích để nhận diện sự phân bổ quyền lực, tính chính danh và trách nhiệm giữa cộng đồng địa phương với các chủ thể phát triển. Tuy nhiên, trong các mô hình thực nghiệm về sự ủng hộ của cư dân, vị thế thực tế của cộng đồng trong cấu trúc các bên liên quan vẫn chưa được phản ánh một cách đầy đủ. Do đó, vai trò của các điều kiện thể chế trong việc định hình thái độ và mức độ đồng thuận của cộng đồng vẫn còn khá mơ hồ.

Mặc dù cũng đã có nghiên cứu tích hợp lợi ích cảm nhận, chuẩn mực cộng đồng và các yếu tố thể chế trong cùng một mô hình phân tích, các thành tố này thường được xem xét như những biến độc lập song song. Cách tiếp cận đó chưa thực sự làm rõ cơ chế mà trong đó đánh giá cá nhân về du lịch được định hình và biến đổi dưới các điều kiện thể chế cụ thể, đặc biệt trong bối cảnh cộng đồng giữ vai trò chủ thể trong phát triển du lịch. Do đó, cần một cấu trúc phân tích nhấn mạnh sự tương tác giữa cơ chế đánh giá cá nhân, chuẩn mực cộng đồng và vị thế thể chế của cộng đồng, thay vì chỉ mở rộng danh sách các yếu tố dự báo sự ủng hộ. Bên cạnh đó, việc vận hành hóa các điều kiện thể chế trong các mô hình thực nghiệm chưa thống nhất về vị trí và chức năng lý thuyết (chẳng hạn như tiền đề trực tiếp, biến trung gian hay điều kiện điều tiết), khiến vai trò thực chất của cộng đồng trong quá trình ra quyết định phát triển du lịch chưa được phản ánh một cách đầy đủ và có hệ thống.

Trong bối cảnh đó, trao quyền cho cộng đồng có thể được xem như một cách tiếp cận nhằm vận hành hóa điều kiện thể chế chi phối sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch. Trong nghiên cứu này, trao quyền không chỉ được hiểu như một yếu tố tâm lý cá nhân, mà được tiếp cận như nhận thức của cư dân về mức độ họ có khả năng tham gia, ảnh hưởng và thương lượng trong quá trình ra quyết định. Theo đó, mức độ trao quyền được xem là chỉ báo cảm nhận về vị thế của cộng đồng trong cấu trúc các bên liên quan, qua đó cho phép xem xét vai trò của điều kiện thể chế trong việc định hình và điều chỉnh quá trình hình thành sự ủng hộ.

## **1.2.5 Cơ sở đề xuất mô hình nghiên cứu**

### *1.4.2.5. Cơ sở đề xuất mô hình nghiên cứu*

Khoảng trống nghiên cứu cho thấy, mặc dù SET được vận dụng rộng rãi để giải thích sự ủng hộ của cư dân đối với phát triển du lịch, cách tiếp cận này chủ yếu tập trung vào quá trình đánh giá lợi ích – chi phí cá nhân. Trong khi đó, nhiều nghiên cứu gần đây đã tích hợp thêm các yếu tố cộng đồng và thể chế trong cùng một mô hình phân tích, nhưng các thành tố này thường được xem xét như những biến dự báo song song. Do vậy, cơ chế định hình sự đồng thuận mà trong đó quan hệ xã hội, chuẩn mực cộng đồng và điều kiện thể chế cùng tham gia vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống.

Kế thừa các kết quả trước đây, nghiên cứu này tiếp tục sử dụng SET làm nền tảng giải thích cơ chế hình thành thái độ dựa trên đánh giá lợi ích và chi phí ở cấp độ cá nhân. Tuy nhiên, các phân tích về hành động tập thể của (Olson, 1965) cho thấy việc nhận thức lợi ích chung không tự động dẫn đến sự phối hợp hành động, trong khi lập luận về sự chuyển hóa từ hành động cá nhân sang hệ quả xã hội của (James S. Coleman, 1994) chỉ ra rằng kết quả tập thể không phải lúc nào cũng là tổng hợp đơn giản của các quyết định cá nhân. Bổ sung cho cách tiếp cận này, phân tích về điều kiện thể chế của (Ostrom, 1990) nhấn mạnh rằng sự phối hợp bền vững phụ thuộc vào các quy tắc, cơ chế tham gia và giám sát phù hợp. Trong bối cảnh này, điều kiện thể chế không chỉ được phản ánh qua các quy tắc và cơ chế tham gia chính thức, mà còn qua mức độ tin cậy của cư dân đối với các chủ thể quản trị là yếu tố ảnh hưởng đến kỳ vọng về tính công bằng và nhất quán của quá trình ra quyết định. Từ góc nhìn của Lý thuyết các bên liên quan, cộng đồng địa phương được xem là một chủ thể trung tâm nhưng vị thế ảnh hưởng của họ phụ thuộc vào cấu trúc quyền lực và cơ chế ra quyết định. Điều này hàm ý rằng ngay cả khi cư dân đánh giá tích cực lợi ích từ du lịch theo logic của SET, mức độ chuyển hóa đánh giá đó thành sự ủng hộ có thể khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thể chế cho phép họ tham gia và ảnh hưởng đến quá trình phát triển. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tiếp cận mức độ trao quyền theo khái niệm về sự gia tăng năng lực lựa chọn và thực thi lựa chọn của (Ruth Alsop et al., 2005) như một chỉ báo phản ánh điều kiện thể chế mà trong đó cư dân có thể hiện thực hóa lợi ích cảm nhận. Theo logic này, trao quyền không chỉ là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ, mà được giả định có vai trò điều tiết, làm thay đổi cường độ mối quan hệ giữa các đánh giá cá nhân (lợi ích, tác động, gắn kết cộng đồng) và mức độ ủng hộ phát triển du lịch dưới các điều kiện thể chế khác nhau.

Dựa trên các phân tích lý thuyết đề xuất mô hình nghiên cứu tích hợp này, các biến trong mô hình được lựa chọn theo hướng kế thừa các cấu phần đã được kiểm định trong nghiên cứu trước và được tổ chức lại theo ba nhóm chức năng giải thích.

Thứ nhất, nhóm tiền đề nhận thức ở cấp độ cá nhân được đặt nền tảng trên SET. Các biến lợi ích cá nhân từ du lịch (PBT), nhận thức về tác động tích cực (PI) và nhận thức về tác động tiêu cực (NI) được kế thừa trực tiếp từ dòng nghiên cứu này (Ap, 1992; Gursoy et al., 2002). Sự hài lòng với chất lượng cuộc sống (SLQ) phản ánh đánh giá tổng thể về ảnh hưởng của du lịch đến phúc lợi và đã được chứng minh có liên hệ với thái độ và sự ủng hộ phát triển du lịch (Woo et al., 2015). Kiến thức về du lịch (KNT) cũng được đưa vào nhóm này, vì mức độ hiểu biết của cư dân có thể ảnh hưởng đến cách họ đánh giá tác động và hình thành thái độ đối với phát triển du lịch (Andereck et al., 2005; Nunkoo & Ramkissoon, 2011).

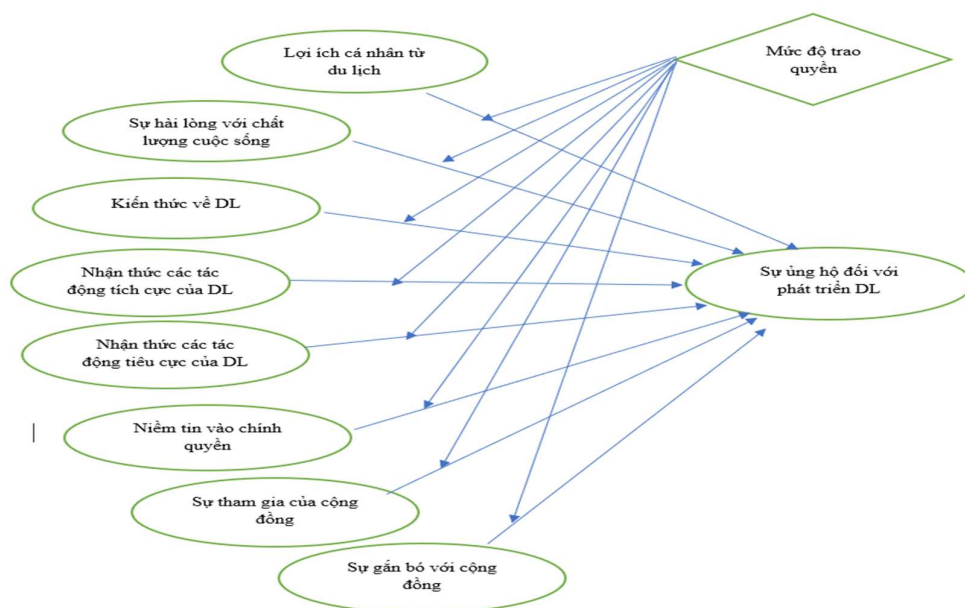
Thứ hai, nhóm biến phản ánh cấu trúc quan hệ xã hội bao gồm sự gắn bó với cộng đồng (CAT) và sự tham gia của cộng đồng (CIT). Dựa trên các tiếp cận về hành động tập thể và logic chuyên hóa từ hành động cá nhân sang hệ quả xã hội, hai biến này phản ánh mức độ tích hợp của cá nhân vào mạng lưới xã hội và chuẩn mực cộng đồng, những yếu tố đã được chứng minh có liên hệ với thái độ và sự ủng hộ phát triển du lịch (McGehee & Andereck, 2004; Lee, 2013).

Thứ ba, nhóm biến phản ánh bối cảnh thể chế bao gồm niềm tin vào chính quyền (TIG) và mức độ trao quyền (ELT). Cả hai biến đều đại diện cho môi trường quản trị mà trong đó quá trình đánh giá và hình thành thái độ của cư dân diễn ra, tuy nhiên chúng đảm nhiệm các chức năng khác nhau trong mô hình. TIG phản ánh mức độ tin cậy của cư dân đối với cấu trúc quản trị và cơ chế phân bổ lợi ích, do đó được giả định có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ủng hộ (Nunkoo & Ramkissoon, 2012) Trong khi đó, ELT được tiếp cận như một điều kiện thể chế có vai trò điều tiết, phản ánh mức độ cư dân có khả năng tham gia và ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định, qua đó làm thay đổi cường độ mối quan hệ giữa các tiền đề nhận thức và sự ủng hộ.

Tóm lại, mô hình nghiên cứu được xây dựng trên sự tích hợp các cơ chế giải thích hỗ trợ nhau trong việc lý giải sự ủng hộ của cư dân. Thứ nhất, theo logic của SET, cư dân hình thành sự ủng hộ trên cơ sở đánh giá lợi ích và chi phí cảm nhận từ phát triển du lịch. Thứ hai, các đánh giá này không tồn tại biệt lập mà được định hình và củng cố trong bối cảnh quan hệ xã hội, thông qua mức độ gắn bó và tham gia của cá nhân vào cộng đồng. Thứ ba, điều kiện thể chế vừa tác động trực tiếp đến sự ủng hộ thông qua niềm tin vào cấu trúc quản trị, vừa điều tiết mức độ chuyên hóa các đánh giá và quan hệ xã hội thành hành vi

ủng hộ thông qua cảm nhận về mức độ được trao quyền. Sự ủng hộ vì vậy được xem là kết quả của tương tác giữa cơ chế đánh giá cá nhân, tích hợp xã hội và điều kiện thể chế.

### 1.2.6. Mô hình nghiên cứu đề xuất



## CHƯƠNG 2

### ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Với tiềm năng tài nguyên du lịch phong phú và bản sắc văn hoá độc đáo, các điểm du lịch cộng đồng tại tỉnh Hòa Bình đang ngày càng trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với cả du khách trong và ngoài nước. Thông qua phân tích dữ liệu thu thập từ các cán bộ quản lý văn hóa, du lịch thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình, đại diện doanh nghiệp xã hội hoạt động trong lĩnh vực DLCĐ, cán bộ địa phương và điều phối viên tại các điểm đến, kết hợp với quan sát và khảo sát thực địa, tác giả đã đánh giá được thực trạng phát triển du lịch tại các địa phương. Trên cơ sở đó, bảy điểm DLCĐ tiêu biểu, đại diện cho các giai đoạn phát triển khác nhau của điểm đến, đã được lựa chọn để đưa vào nghiên cứu.

Chương này cũng trình bày chi tiết quy trình nghiên cứu của luận án. Cụ thể, phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods) gồm định tính và định lượng được áp dụng nhằm phát huy tối đa ưu điểm của từng phương pháp và nâng cao độ tin cậy của kết quả. Trước hết, các phương pháp định tính như tổng quan tài liệu, quan sát thực địa và phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện nhằm khám phá bối cảnh nghiên cứu và xây dựng các thang đo sơ khởi cho các khái niệm nghiên cứu. Các thang đo sau đó được kiểm định sơ bộ về độ tin cậy thông qua khảo sát thử nghiệm.

Tiếp theo, phương pháp định lượng được triển khai bằng hình thức khảo sát trực tiếp thông qua bảng hỏi tự điền (self-administered questionnaire), với cỡ mẫu dự kiến là 450 người dân địa phương tại các điểm DLCĐ được lựa chọn. Các dữ liệu thu thập sẽ được xử lý và phân tích nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu, các giả thuyết và mối quan hệ giữa các biến.

## CHƯƠNG 3

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Nghiên cứu sơ bộ

Trong nghiên cứu này, mẫu khảo sát sơ bộ là 61 người dân tại xóm Sung, xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Kết quả phân tích lần đầu cho thấy các thang đo SPR, PBT, PI, NI, TIG, ELT có hệ số Cronbach's Alpha  $>0.7$  và hệ số tương quan biến tổng của các mục đo trong các biến trên đều  $>0,3$ . Do vậy các biến này đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Các thang đo SQL, KNT, CAT, CIT có hệ số Cronbach's Alpha  $<0,7$  nên cần phải xem xét loại các mục đo, thang đo không đạt yêu cầu. Sau khi tiến hành loại các biến quan sát SQL2, CAT5, tác giả tiến hành phân tích lần hai và kết quả phân tích của hai thang đo này cải thiện hơn rất nhiều. Các thang đo SQL, CAT đạt hệ số Cronbach's Alpha  $>0.7$  và hệ số tương quan biến tổng của các mục đo trong các biến trên đều  $>0,3$ . Do vậy các thang đo này đạt yêu cầu về độ tin cậy. Các thang đo KNT, CIT có Cronbach's Alpha  $< 0,7$  để xem xét có nên giữ lại các thang đo này, tác giả tiếp tục phân tích nhân tố khám phá.

Phân tích nhân tố khám phá được thực hiện đối với thang đo “Kiến thức về du lịch” gồm 4 biến quan sát (KNT1-KNT4) và thang đo “Sự tham gia của cộng đồng – CIT” do ở bước phân tích trước các thang đo này không đạt độ tin cậy (Cronbach's Alpha  $< 0,7$ ). Kết quả sau phân tích EFA và cân nhắc lý thuyết, biến KNT được giữ lại và biến CIT loại bỏ khỏi mô hình nghiên cứu.

Phân tích nhân tố khám phá cũng được thực hiện đối với thang đo mới xây dựng “Mức độ trao quyền” gồm 4 biến quan sát (ELT1–ELT4). Kết quả thang đo “Mức độ trao quyền - ELT” được xác nhận là có cấu trúc đơn hướng, các biến quan sát có độ hội tụ tốt và phù hợp để sử dụng trong các bước phân tích tiếp theo.

#### 3.2. Nghiên cứu định lượng chính thức

Sau khi hoàn tất khảo sát sơ bộ và điều chỉnh mô hình nghiên cứu, tác giả đã tiến hành khảo sát chính thức tại 07 điểm du lịch cộng đồng (DLCĐ) được lựa chọn trên địa bàn nghiên cứu. Phương pháp thu thập dữ liệu là khảo sát trực tiếp thông qua bảng hỏi chính thức được thiết kế dựa trên kết quả khảo sát thử và điều chỉnh từ giai đoạn trước.

Để đảm bảo cỡ mẫu phù hợp với yêu cầu phân tích PLS-SEM, tổng cộng 489 phiếu khảo sát đã được phát ra. Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện với sự hỗ trợ của cán bộ địa phương và nhóm điều phối viên tại các điểm đến. Kết quả thu về 481 phiếu, đạt tỷ lệ phản hồi 98,4%. Sau khi rà soát và loại bỏ các phiếu không hợp lệ (ví dụ: trả lời thiếu dữ liệu, có dấu hiệu trả lời ngẫu nhiên, không tuân thủ cấu trúc bảng hỏi), tổng số phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích chính thức là 460 phiếu, chiếm 95,4% tổng số phiếu phát ra và 95,6% số phiếu thu về.

Dữ liệu thu thập được phân tích bằng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc bình phương nhỏ nhất một phần (Partial Least Squares Structural Equation Modeling – PLS-SEM), thông qua phần mềm SmartPLS 4.0.

Kết quả kiểm định độ tin cậy và giá trị phân biệt của các thang đo cho thấy các biến trong mô hình đạt được độ phù hợp cao, đảm bảo tính hợp lệ để tiếp tục phân tích mô hình cấu trúc.

Sau khi kiểm định mô hình đo lường và loại trừ hiện tượng đa cộng tuyến, nghiên cứu tiếp tục đánh giá mô hình cấu trúc nhằm kiểm định các giả thuyết lý thuyết được đề xuất. Phân tích được thực hiện bằng kỹ thuật bootstrapping với 5.000 mẫu lặp lại để kiểm tra mức độ ý nghĩa thống kê của các mối quan hệ giữa các biến tiềm ẩn.

Trong số các biến độc lập, có 5 biến có ảnh hưởng trực tiếp có ý nghĩa thống kê đến sự ủng hộ của người dân đối với phát triển DLCĐ (SPR), bao gồm: lợi ích cá nhân từ du lịch (PBT), sự gắn bó với cộng đồng (CAT), niềm tin vào chính quyền (TIG), nhận thức các tác động tích cực của DLCĐ (PI), và nhận thức các tác động tiêu cực của DLCĐ (NI). Các kết quả này phù hợp với giả định từ SET rằng người dân đưa ra quyết định dựa trên đánh giá tổng hợp giữa chi phí và lợi ích, cũng như dựa vào cảm nhận về sự tin cậy và gắn kết xã hội. Ngược lại, một số biến như sự hài lòng với chất lượng sống (SQL) và kiến thức về du lịch (KNT) không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê, cho thấy rằng trong bối cảnh du lịch cộng đồng ở Hòa Bình – nơi dịch vụ du lịch còn hạn chế và văn hóa tập thể vẫn chiếm ưu thế – các yếu tố kỹ thuật, chuyên môn chưa đủ để tạo ra sự đồng thuận nếu thiếu nền tảng về niềm tin và gắn kết cộng đồng.

| Giả thuyết | Mối quan hệ      | Hệ số tác động ( $\beta$ ) | T values | P values | Kết luận giả thuyết |
|------------|------------------|----------------------------|----------|----------|---------------------|
| H1         | PBT -> SPR       | 0.193                      | 4.045    | 0.000    | Chấp nhận           |
| H2         | SQL -> SPR       | 0.034                      | 0.902    | 0.367    | Bác bỏ              |
| H3         | KNT -> SPR       | 0.039                      | 0.929    | 0.353    | Bác bỏ              |
| H4         | CAT -> SPR       | 0.404                      | 8.501    | 0.000    | Chấp nhận           |
| H6         | PI -> SPR        | 0.206                      | 5.869    | 0.000    | Chấp nhận           |
| H7         | NI -> SPR        | -0.120                     | 3.023    | 0.003    | Chấp nhận           |
| H8         | TIG -> SPR       | 0.189                      | 3.754    | 0.000    | Chấp nhận           |
| H9         | ELT x PBT -> SPR | 0.006                      | 0.146    | 0.884    | Bác bỏ              |
| H10        | ELT x SQL -> SPR | 0.025                      | 0.731    | 0.465    | Bác bỏ              |
| H11        | ELT x KNT -> SPR | 0.018                      | 0.489    | 0.625    | Bác bỏ              |
| H12        | ELT x CAT -> SPR | 0.208                      | 3.692    | 0.000    | Chấp nhận           |
| H14        | ELT x PI -> SPR  | -0.117                     | 3.802    | 0.000    | Chấp nhận           |
| H15        | ELT x NI -> SPR  | -0.131                     | 3.138    | 0.002    | Chấp nhận           |
| H16        | ELT x TIG -> SPR | 0.008                      | 0.135    | 0.893    | Bác bỏ              |

Đặc biệt, kết quả phân tích cũng cho thấy biến mức độ trao quyền (ELT) đóng vai trò điều tiết có ý nghĩa trong một số mối quan hệ, làm tăng hoặc giảm tác động của các yếu tố như CAT, PI và NI đến sự ủng hộ.

Kết quả kiểm định mối quan hệ tương tác  $ELT \times CAT \rightarrow SPR$  ( $\beta = 0.208$ ;  $t = 3.692$ ;  $p < 0.001$ ) cho thấy mức độ được trao quyền (ELT) có vai trò điều tiết tích cực đối với mối quan hệ giữa sự gắn bó của người dân với cộng đồng (CAT) và sự ủng hộ đối với phát triển du lịch cộng đồng (SPR).

Mối quan hệ giữa nhận thức về lợi ích tích cực của du lịch cộng đồng (PI) và sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch cộng đồng (SPR) chịu ảnh hưởng điều tiết đáng kể bởi biến mức độ được trao quyền (ELT), với hệ số tương tác  $ELT \times PI \rightarrow SPR$  ( $\beta = -0.117$ ;  $t = 3.802$ ;  $p < 0.001$ ).

Mối quan hệ giữa nhận thức về tác động tiêu cực của du lịch cộng đồng (NI) và sự ủng hộ đối với phát triển du lịch cộng đồng (SPR) được điều tiết một cách có ý nghĩa thống kê và theo chiều ngược bởi mức độ được trao quyền của người dân (ELT), với hệ số tương tác  $\beta = -0.131$ ;  $t = 3.138$ ;  $p = 0.002$ .

Trong số các mối quan hệ kiểm định vai trò điều tiết của biến trao quyền (ELT), ba mối quan hệ không cho thấy sự điều tiết có ý nghĩa thống kê, bao gồm:  $ELT \times PBT \rightarrow SPR$ ,  $ELT \times SQL \rightarrow SPR$ ,  $ELT \times KNT \rightarrow SPR$ . Các kết quả này cho thấy rằng mức độ được trao quyền của người dân không ảnh hưởng đến độ mạnh của các mối quan hệ giữa Lợi ích cá nhân từ du lịch (PBT); Sự hài lòng với chất lượng cuộc sống (SQL); Kiến thức về du lịch (KNT) với sự ủng hộ phát triển du lịch cộng đồng (SPR).

Phân tích mô hình cấu trúc cho thấy mô hình nghiên cứu có giá trị giải thích tốt, với giá trị  $R^2$  của biến phụ thuộc "sự ủng hộ phát triển du lịch cộng đồng" (SPR) đạt 0.650 – tức là 65% phương sai của hành vi ủng hộ có thể được lý giải bởi các biến độc lập và các biến tương tác trong mô hình. Điều này khẳng định tính phù hợp của các giả thuyết được đề xuất trên nền tảng lý thuyết trao đổi xã hội (SET) và khung phân tích trao quyền cộng đồng.

## CHƯƠNG 4

### HÀM Ý, KHUYẾN NGHỊ VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

#### 4.1. Hàm ý khoa học

##### 4.1.1. Mở rộng khung lý thuyết

Một trong những đóng góp nổi bật của nghiên cứu là việc mở rộng khung lý thuyết về sự ủng hộ của người dân đối với phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ), thông qua sự tích hợp giữa Lý thuyết trao đổi xã hội (Social Exchange Theory – SET) và tiếp cận tính hợp lý tập thể (collective rationality).

Một điểm nhấn lý thuyết quan trọng là việc đưa trao quyền cộng đồng (community empowerment) vào mô hình như một biến điều tiết quan hệ giữa các yếu tố tiền đề với sự ủng hộ của người dân đối với phát triển DLCĐ.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn góp phần bổ sung bằng chứng định lượng cho khái niệm trao quyền (empowerment), vốn thường được khai thác trong các nghiên cứu định tính.

##### 4.1.2. Đóng góp phương pháp luận

Về phương pháp luận, nghiên cứu này có một số đóng góp đáng kể, đặc biệt trong việc vận dụng và điều chỉnh các kỹ thuật phân tích định lượng vào bối cảnh nghiên cứu mang tính đặc thù như cộng đồng dân tộc thiểu số ở miền núi Việt Nam.

Bên cạnh đó, nghiên cứu đã xây dựng và kiểm định một bộ thang đo điều chỉnh, đảm bảo độ tin cậy và giá trị đo lường trong bối cảnh văn hóa – xã hội cụ thể của tỉnh Hòa Bình.

#### 4.2. Hàm ý thực tiễn

##### 4.2.1. Đối với chính quyền địa phương

Trên cơ sở các phát hiện của nghiên cứu, một hàm ý quan trọng đối với chính quyền địa phương, đặc biệt là các cấp sở, phòng quản lý văn hóa du lịch và chính quyền cấp huyện/xã tại các điểm du lịch cộng đồng, là cần thay đổi cách tiếp cận trong việc hoạch định và triển khai các chính sách phát triển DLCĐ.

Tóm lại, chính quyền địa phương đóng vai trò định hướng và kiến tạo môi trường thể chế cho sự phát triển của DLCĐ. Tuy nhiên, để mô hình này thực sự phát huy hiệu quả, chính sách công phải chuyển từ mô hình “quản lý” sang mô hình “đồng kiến tạo” (co-creation), nơi cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà là chủ thể tích cực trong quá trình phát triển du lịch. Đây chính là chìa khóa để xây dựng các mô hình DLCĐ bền vững, phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội bản địa và tạo ra sự đồng thuận sâu rộng trong cộng đồng.

##### 4.2.2. Đối với cộng đồng địa phương

Đối với cộng đồng địa phương, hàm ý thực tiễn quan trọng nhất là chuyển từ tâm thế bị động sang vị thế chủ thể. Điều này đòi hỏi một quá trình kép: vừa nâng cao năng lực, vừa tạo điều kiện thể chế và văn hóa để người dân có thể phát huy vai trò làm chủ. Khi cộng đồng có nhận thức rõ ràng, kỹ năng đầy đủ và niềm tin sâu sắc vào giá trị bản địa, họ không chỉ tham gia vào du lịch mà còn đồng hành, định hình và dẫn dắt sự phát triển theo hướng bền vững và phù hợp với chính họ.

### **4.2.3. Đối với các doanh nghiệp xã hội và tổ chức hỗ trợ**

Doanh nghiệp xã hội và các tổ chức hỗ trợ có vai trò kiến tạo không gian phát triển du lịch gắn kết giữa lợi ích kinh tế và giá trị cộng đồng. Tuy nhiên, để đạt được sự bền vững dài hạn, cần thay đổi vai trò từ “người dẫn dắt” sang “người đồng hành”, từ tiếp cận thị trường sang tiếp cận vì sự trao quyền, và từ định hướng thương mại sang định hướng cộng đồng. Đây chính là điều kiện nền tảng để đảm bảo sự đồng thuận, niềm tin và động lực nội sinh từ phía người dân – những nhân tố trung tâm của bất kỳ mô hình du lịch cộng đồng nào.

### **4.3. Hạn chế của nghiên cứu**

Thứ nhất, giới hạn về phạm vi địa lý và tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

Thứ hai, hạn chế về tiếp cận định lượng trong việc đo lường các khái niệm xã hội – văn hóa.

Thứ ba, mô hình lý thuyết chưa bao quát đầy đủ tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ.

Thứ tư, khả năng xác định quan hệ nhân quả còn hạn chế thiết kế nghiên cứu mang tính cắt ngang (cross-sectional). Dữ liệu được thu thập tại một thời điểm duy nhất, cho phép phân tích mối quan hệ giữa các biến thông qua các tương quan và mô hình hóa cấu trúc tuyến tính. Tuy nhiên, cách tiếp cận này không cho phép theo dõi sự biến đổi của các hiện tượng xã hội theo thời gian, và do đó, không thể xác lập chắc chắn quan hệ nhân quả giữa các biến. Việc diễn giải kết quả vẫn chủ yếu dựa trên sự phù hợp với nền tảng lý thuyết và logic suy diễn, thay vì bằng chứng thực nghiệm được kiểm định qua chuỗi thời gian.

### **4.4. Hướng nghiên cứu trong tương lai**

#### **4.4.1. Mở rộng địa bàn nghiên cứu**

Một trong những hướng phát triển quan trọng nhằm gia tăng giá trị học thuật và tính khái quát của nghiên cứu là mở rộng phạm vi địa lý ra khỏi không gian nghiên cứu tại tỉnh Hòa Bình. Cụ thể, các nghiên cứu so sánh liên địa phương nên được thực hiện giữa các tỉnh có cấp độ phát triển du lịch cộng đồng khác nhau nhằm làm rõ ảnh hưởng của bối cảnh phát triển tới thái độ ủng hộ và các cơ chế xã hội nội sinh.

Bên cạnh đó, cần xem xét đến sự đa dạng về thành phần dân tộc thiểu số – vốn là một biến ngữ cảnh có ảnh hưởng lớn đến cấu trúc xã hội, quan niệm về quyền lực, sự đồng thuận và hành vi tập thể. Các nhóm dân tộc như Mường, Thái, H’mông, Dao, Cơ Tu... có sự khác biệt đáng kể về ngôn ngữ, tín ngưỡng, thiết chế xã hội truyền thống (ví dụ như già làng, trưởng họ, luật tục bản địa), cũng như mức độ tương tác với hệ thống quản lý nhà nước. Việc so sánh giữa các nhóm dân tộc này sẽ góp phần làm rõ vai trò của đặc trưng văn hóa – xã hội trong hình thành tính hợp lý tập thể, từ đó giúp hiệu chỉnh mô hình lý thuyết sao cho phù hợp hơn với các cộng đồng có nền tảng xã hội khác nhau.

#### **4.4.2. Phát triển mô hình nghiên cứu**

Hướng nghiên cứu quan trọng trong tương lai là phát triển và mở rộng mô hình nghiên cứu theo hướng đa chiều và bối cảnh hóa sâu sắc hơn.

Thứ nhất, các nghiên cứu tiếp theo cần cân nhắc tích hợp thêm các biến liên quan đến cấu trúc quyền lực nội cộng đồng, Thứ hai, mô hình cũng cần đưa vào yếu tố tính chính danh của thể chế (institutional legitimacy), tức là mức độ mà cộng đồng nhận thức rằng các quyết định, chính sách và hành vi của chính quyền hoặc các tổ chức triển khai du lịch là công bằng, minh bạch và đáng tin cậy. Thứ ba, các nghiên cứu tương lai cũng nên chú ý đến vai trò của mạng lưới xã hội nội bộ (internal social networks), bao gồm cả mạng lưới thân tộc, láng giềng, cộng đồng tín ngưỡng hoặc nhóm nghề truyền thống. Việc hiểu được cơ chế lan tỏa (diffusion) của thái độ ủng hộ trong các mạng lưới xã hội này sẽ giúp làm rõ hơn cách thức hình thành lý tính tập thể không chỉ ở cấp độ nhận thức cá nhân mà còn qua cấu trúc xã hội.

#### **4.4.3. Kết hợp đa phương pháp**

Thứ nhất, cần kết hợp giữa khảo sát định lượng quy mô lớn và nghiên cứu định tính chuyên sâu để khám phá và lý giải cơ chế hình thành tính hợp lý tập thể.

Thứ hai, các nghiên cứu tương lai nên hướng đến thiết kế theo chiều thời gian (longitudinal design) – tức là thu thập dữ liệu theo các thời điểm khác nhau, nhằm theo dõi sự thay đổi trong thái độ ủng hộ của cộng đồng qua các giai đoạn phát triển du lịch. Du lịch cộng đồng là một tiến trình biến động theo thời gian, có thể trải qua nhiều chu kỳ (giới thiệu – phát triển – bão hòa – suy thoái hoặc tái cấu trúc). Trong quá trình đó, niềm tin, thái độ, mức độ tham gia và năng lực tự chủ của cộng đồng có thể thay đổi đáng kể. Do vậy, một thiết kế nghiên cứu dọc không chỉ giúp xác định rõ hơn các quan hệ nhân quả, mà còn cho phép nhận diện các "bước ngoặt" (turning points) quan trọng – chẳng hạn như thời điểm chính sách chuyển hướng, du khách gia tăng đột biến, hay mâu thuẫn nội bộ xuất hiện.

DLCĐ đã và đang trở thành một mô hình phát triển quan trọng tại nhiều địa phương ở Việt Nam, đặc biệt là các vùng dân tộc thiểu số, nơi mà du lịch không chỉ được kỳ vọng mang lại lợi ích kinh tế mà còn gắn với mục tiêu bảo tồn văn hóa, tăng cường năng lực cộng đồng và phát triển bền vững. Tuy nhiên, một trong những yếu tố quyết định sự thành công và tính bền vững của mô hình này chính là mức độ ủng hộ thực chất và chủ động của cộng đồng địa phương, những người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các hoạt động du lịch.

Luận án này được thực hiện nhằm khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến sự ủng hộ của người dân địa phương đối với phát triển DLCĐ, trong đó kết hợp Lý thuyết trao đổi xã hội, tiếp cận tính hợp lý tập thể và Lý thuyết các bên liên quan. Điểm nhấn lý luận của nghiên cứu là việc đưa vào và kiểm định vai trò điều tiết của mức độ trao quyền được cảm nhận giải thích quá trình hình thành thái độ đồng thuận xã hội, vượt lên khỏi cách tiếp cận cá nhân luận vốn phổ biến trong các nghiên cứu trước đây.

Thông qua khảo sát định lượng tại các điểm DLCĐ tiêu biểu của tỉnh Hòa Bình và phân tích bằng mô hình PLS-SEM, nghiên cứu đã chỉ ra rằng thái độ ủng hộ du lịch của người dân không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố lợi ích cá nhân, nhận thức về tác động tích cực, tiêu cực của DLCĐ, mà còn gắn chặt với mức độ niềm tin vào chính quyền, sự gắn bó với cộng đồng, và đặc biệt là ảnh hưởng điều tiết của mức độ trao quyền cộng đồng. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho thấy kiến thức du lịch và mức độ tham gia hình thức chưa đủ để tạo ra sự ủng hộ thực chất nếu thiếu sự tin tưởng và năng lực làm chủ tiến trình phát triển.

Về mặt lý luận, luận án góp phần mở rộng khung phân tích hành vi xã hội trong du lịch theo hướng liên ngành, tích hợp giữa tính hợp lý cá nhân và tính hợp lý tập thể, qua đó lý giải tốt hơn các hiện tượng mang tính cộng đồng trong bối cảnh văn hóa – xã hội đặc thù. Về mặt phương pháp, nghiên cứu đã áp dụng kỹ thuật định lượng tiên tiến trong điều kiện khảo sát tại vùng dân tộc thiểu số, đồng thời xây dựng hệ thống thang đo điều chỉnh phù hợp với thực tiễn địa phương. Về mặt thực tiễn, các khuyến nghị của nghiên cứu cung cấp cơ sở để xây dựng chính sách phát triển DLCĐ dựa trên cơ chế trao quyền thực chất, thúc đẩy đối thoại xã hội và thiết lập các kênh phản hồi đa chiều giữa chính quyền – cộng đồng – doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nhận diện một số hạn chế liên quan đến thiết kế cắt ngang, chưa phân tích đầy đủ các yếu tố như cấu trúc quyền lực phi chính thức, vai trò của

lãnh đạo cộng đồng, hay ảnh hưởng của các mạng lưới xã hội thân tộc. Những hạn chế này mở ra các hướng nghiên cứu tiềm năng trong tương lai, như mở rộng địa bàn nghiên cứu, phát triển mô hình lý thuyết giàu bối cảnh hơn, và áp dụng thiết kế nghiên cứu hỗn hợp hoặc theo chiều thời gian.

Tóm lại, luận án không chỉ góp phần làm sâu sắc thêm nhận thức về các điều kiện thúc đẩy sự ủng hộ DLCĐ tại Việt Nam, mà còn đề xuất một khung lý thuyết mới mẻ, có tính ứng dụng cao trong cả học thuật và hoạch định chính sách phát triển địa phương lấy cộng đồng làm trung tâm.